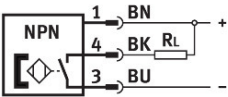


**Cảm biến tiệm cận**  
**SDBC-MSB-1L-NU-K-0.3-M8**  
Số bộ phận: 8139727

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                                                                                                              |
|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thiết kế                              | cho rãnh tròn                                                                                                                                                        |
| Tuân theo tiêu chuẩn                  | EN 60947-5-2                                                                                                                                                         |
| Giấy phép                             | Dấu RCM                                                                                                                                                              |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                                                                                                  |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS                                                                                                                |
| Dấu hiệu KC                           | KC-EMV                                                                                                                                                               |
| Tính chất đặc biệt                    | Chống dầu                                                                                                                                                            |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS<br>không chứa halogen<br>không chứa đồng                                                                                                               |
| Lưu ý áp dụng                         | Cấp chống cháy và chống lửa theo tiêu chuẩn UL 758 Horizontal Flame Test, không đáp ứng bảo vệ chống cháy theo tiêu chuẩn IEC 61010-1: 2017, Phiên bản 3.1, Mục 9.3. |
| Kích thước đo                         | Vị trí                                                                                                                                                               |
| Nguyên tắc đo lường                   | từ điện trở                                                                                                                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -20 °C...70 °C                                                                                                                                                       |
| Độ chính xác lặp lại                  | 0.2 mm                                                                                                                                                               |
| Đầu ra chuyển mạch                    | NPN                                                                                                                                                                  |
| Chức năng phần tử chuyển mạch         | Cơ cấu đóng                                                                                                                                                          |
| Thời gian bật                         | 2.5 ms                                                                                                                                                               |
| Thời gian tắt                         | 2.5 ms                                                                                                                                                               |
| Tần số chuyển mạch tối đa             | 480 Hz                                                                                                                                                               |
| Dòng điện đầu ra tối đa               | 100 mA                                                                                                                                                               |
| Hiệu suất chuyển mạch tối đa DC       | 3 W                                                                                                                                                                  |
| Sụt áp                                | 0.5 V                                                                                                                                                                |
| Chống chịu ngắn mạch                  | không                                                                                                                                                                |
| Khả năng chống quá tải                | không có sẵn                                                                                                                                                         |
| Điện áp vận hành đo DC                | 24 V                                                                                                                                                                 |
| Dải điện áp hoạt động DC              | 10 V...30 V                                                                                                                                                          |
| Chống phân cực                        | cho tất cả các kết nối điện                                                                                                                                          |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối         | Cáp có giắc cắm                                                                                                                                                      |

| Đặc tính                                                    | Giá trị                                      |
|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối                          | M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104       |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây                            | 3                                            |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn                                   | Khóa vít                                     |
| Hướng ra cổng nối                                           | dọc theo                                     |
| Chiều dài cáp                                               | 0.3 m                                        |
| Đặc điểm dây dẫn                                            | Tiêu chuẩn thích hợp cho máng xích           |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                                         | PUR                                          |
| Vật liệu vỏ cách điện                                       | PP                                           |
| Kiểu gắn                                                    | vặn chặt<br>có thể lắp vào rãnh từ phía trên |
| Mô-men xoắn siết tối đa                                     | 0.2 N m                                      |
| Vị trí lắp đặt                                              | bất kì                                       |
| trọng lượng sản phẩm                                        | 10 g                                         |
| Vật liệu vỏ                                                 | PC                                           |
| Vật liệu đai ốc ren                                         | thép không gỉ hợp kim cao                    |
| Hiển thị trạng thái chuyển mạch                             | Đèn LED màu vàng                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -20 °C...70 °C                               |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP67<br>IP68<br>theo IEC 60529               |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364 Vùng III                           |